

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 23-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chủ

2. Bà Trần Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Lưu Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Tiêu Văn T, sinh ngày 07-11-1990.

Nơi cư trú: Thôn Bùi V, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiêu Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ Đinh Thị M và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

2. Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Văn Q), sinh ngày 14-8-1984.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị V; có vợ Trần Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

3. Nguyễn Hữu Ng, sinh ngày 16-9-1982.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị S có vợ Bùi Thị N và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

4. Bùi Huy Ph, sinh ngày 10-10-1978.

Nơi cư trú: Thôn Bùi V, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Huy C và bà Bùi Thị T; có vợ Phạm Thị Ch và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

5. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02-7-1977.

Nơi cư trú: Thôn Bùi V, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Bùi Thị L; có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

6. Phạm Văn H, sinh ngày 01-9-1990.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H; có vợ Lô Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất, là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt ngày 06/02/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

7. Bùi Văn Tr, sinh ngày 01-01-1970

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị T; có vợ Nguyễn Thị T và có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không;

nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 10/10 sau đó ở nhà lao động sản xuất; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

8. Phạm Văn Nh, sinh ngày 07-11-1976.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị Kh; có vợ Nguyễn Thị M và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất, năm 2015 được bầu vào Chủ tịch hội nông dân xã D, là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt ngày 06/02/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

9. Bùi Huy Nh, sinh ngày 23-12-1976.

Nơi cư trú: Thôn Bùi V, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Huy S và bà Phạm Thị H; có vợ Phạm Thị C và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động sản xuất, là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt ngày 06/02/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-11-2017 đến ngày 21-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

Người làm chứng:

Anh Bùi Văn Ch, sinh năm 1983 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 18-11-2017, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Nh, Phạm Văn H và Nguyễn Văn T đến nhà Bùi Huy Nh chơi. Tại đây T, H, Nh và T rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi “liêng” được thua bằng tiền và cùng nhau xuống gian bếp của nhà bị cáo Nh trải chiếu và sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài có sẵn tại nhà Nh bắt đầu đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc quy định mức đánh thấp nhất là 10.000đồng/1 người/1 ván, cao nhất không quá 50.000đồng/01 người/01 ván. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày. Nguyễn Hữu Ng, đến cùng tham gia đánh bạc. Đến 10 giờ cùng ngày, Bùi Văn Tr, Bùi Huy Ph và Tiêu Văn T đến cùng tham gia đánh bạc. Do đông người nên các đối tượng chuyển hình thức chơi đánh “liêng” sang chơi đánh “xóc đĩa” được thua bằng tiền, mức chơi thấp nhất là 10.000đồng/01 người/01 ván. Nguyễn Văn T là người dùng kéo cắt 04 quân vị, bát sứ, đĩa sứ có sẵn tại nhà Nh, khi đánh bạc Tiêu Văn T là người cầm cái. Đến

10 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cắt bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói và số tiền 7.570.000đồng; thu trên người các đối tượng tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.850.000đồng.

Bản cáo trạng số 17/KSĐT ngày 06-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh ra trước Toà án nhân dân huyện H để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Vào 10 giờ ngày 18-11-2017, các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “liêng” sau đó chuyển sang chơi “xóc đĩa” tại nhà ở của Bùi Huy Nh, cụ thể: Bùi Huy Nh có hành vi dùng nhà ở của mình cho các bị cáo đánh bạc, khi bị Cơ quan điều tra bắt giữ thu số tiền 50.000đồng. Tiêu Văn T là người cầm cái, mang theo 240.000đồng vào việc đánh bạc, chơi thua hết tiền vay của Bùi Huy Ph số tiền 190.000đồng, khi bị bắt bị quản lý 50.000đồng. Nguyễn Văn T mang theo 170.000đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua hết tiền. Nguyễn Hữu Ng mang theo 1.500.000đồng đánh bạc, quá trình chơi không thắng, không thua, khi bị bắt bị quản lý 1.500.000đồng. Bùi Huy Ph mang theo 190.000đồng để đánh bạc, quá trình chơi Ph cho T vay 190.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt không bị quản lý đồ vật, tài sản gì. Nguyễn Văn T1 mang theo 420.000đồng đánh bạc, quá trình chơi thua 120.000đồng, khi bị bắt bị quản lý 300.000đồng. Phạm Văn H mang theo 140.000đồng đánh bạc, quá trình chơi không rõ thắng, thua, khi bị bắt ném hết tiền xuống chiếu. Bùi Văn Tr mang theo 50.000đồng sử dụng đánh bạc, quá trình chơi không rõ thắng, thua, khi bị bắt ném hết tiền xuống chiếu. Phạm Văn Nh mang theo 50.000đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình chơi không rõ thắng, thua, khi bị bắt ném hết tiền xuống chiếu. Tổng số tiền xác định dùng vào việc đánh bạc là 9.470.000đồng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 60, 53 của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, đề nghị tuyên phạt bị cáo Tiêu Văn T từ 9 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian

thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung bị cáo từ 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, Điều 46; Điều 20, 60, 53 của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, phạt các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Ng từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng.

Giao các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng cho UBND xã D quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 30 của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị tuyên phạt các bị cáo Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H và Bùi Huy Nh mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 30 của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị tuyên phạt các bị cáo Bùi Văn Tr và Phạm Văn Nh từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 41BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cất bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói đều đã qua sử dụng, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.470.000 đồng tiền Việt Nam.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an

huyện H, tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 18-11-2017 (bút lục số 06 đến 09); lời khai của người làm chứng anh Bùi Văn Ch (bút lục 187 đến 188); vật chứng quản lý được là 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cất bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói và số tiền 9.420.000đồng. Như vậy có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 09 giờ ngày 18-11-2017, các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “liêng” và “xóc đĩa” tại nhà ở của Bùi Huy Nh tại Thôn Bùi V, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 9.470.000đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trị an tại địa phương. Vụ án có sự đồng phạm giản đơn, các bị cáo rủ và cùng nhau đánh bạc. Bị cáo Thế cầm cái, sử dụng 240.000đồng và vay của Phát 190.000đồng sử dụng đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò đầu, bị cáo Nguyễn Văn T cất quân vị, sử dụng số tiền 170.000đồng vào việc đánh bạc và bị cáo Nguyễn sử dụng số tiền nhiều nhất 1.500.000đồng vào việc đánh bạc nên hai bị cáo giữ vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ hai; bị cáo Phát dùng 190.000đồng vào việc đánh bạc và cho bị cáo Thế vay 190.000đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn T1 sử dụng 420.000đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Phạm Văn H sử dụng 140.000đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Nhan không tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo mượn nhà để đánh bạc nên các bị cáo giữ vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ ba; các bị cáo Bùi Văn Tr và Phạm Văn Nh đều sử dụng số tiền ít nhất vào việc đánh bạc nên các bị cáo giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Xét nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa cũng như tại giai đoạn điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các bị cáo Tiêu Văn T, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr và Bùi Huy Nh có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam; các bị cáo Tiêu Văn T, Bùi Huy Ph, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh là con của người có công với cách mạng; các bị cáo Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh được Chủ tịch UBND xã D tặng Giấy khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, đây cũng là các tình tiết xem xét giảm nhẹ khi lượng hình đối với các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ

sung năm 2009; trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt. Các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn. Từ những nhận xét, HĐXX xét thấy đối với bị cáo Th, T, Ng chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách nhất định, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục, còn lại đối với bị cáo Ph, T, H, Tr, Nh và Nh chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Th, T, Ng.

[7] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cất bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói là những công cụ được các đối tượng dùng vào việc phạm tội, không có giá trị, cần tịch thu để tiêu hủy. Số tiền 9.470.000đồng thu trên chiếu bạc, đây là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh phạm tội "Đánh bạc".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Tiêu Văn T 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06(sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H và Bùi Huy Nh mỗi bị cáo 10.000.000đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Bùi Văn Tr và Phạm Văn Nh mỗi bị cáo 8.000.000đồng (tám triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; phạt các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng mỗi bị cáo 3.000.000đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng cho UBND xã D giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cất bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.470.000đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền quản lý trên chiếu bạc.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Huấn, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã Ký)

Trần Thị Nhàn

Hung Hà, ngày 23 tháng 3 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Tần Thị Nhân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Chủ và bà Trần Thị Thủy.

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 23-3-2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự “Đánh bạc”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh phạm tội "Đánh bạc".

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Tiêu Văn T 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06(sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn H và Bùi Huy Nh mỗi bị cáo 10.000.000đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt các bị cáo Bùi Văn Tr và Phạm Văn Nh mỗi bị cáo 8.000.000đồng (tám triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; phạt các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng mỗi bị cáo 3.000.000đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng cho UBND xã D giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3.Về các vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu đồ tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị được cất bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc kéo, 01 chiếc chiếu cói.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.470.000đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền quản lý trên chiếu bạc.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; các bị cáo Tiêu Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ng, Bùi Huy Ph, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Huân, Bùi Văn Tr, Phạm Văn Nh và Bùi Huy Nh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản đã được thông qua tại phòng nghị án vào hồi 11 giờ 15 phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa